

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BUÔN ĐÔN
#REF!

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính, ha						
				Thị trấn Ea Súp	Xã Ia Lốp	Xã Ia Jloi	Xã Ea Rók	Xã Ya Tờ Môt	Xã Ia Rvê	Xã Ea Lê
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	126,0	9,2	0,4	20,7	4,8	8,5	56,5	1,8
	<i>Trong đó:</i>									
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,1	0,06	0	0	0	0,006	0	0
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	23,9	3,58	0,00	6,51	11,36	2,28	0,19	0,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	92,2	4,6	0,4	20,7	4,8	8,5	51,3	1,8
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	9,8	4,6	-	-	-	-	5,2	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	-							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-							
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-							
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	-	0,15	0,10	-	-	-	-	-	0,05
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	0,15	0,1	-	-	-	-	-	0,05
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>		-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		0,4	-	-	-	-	-	0,1	0,3
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	0,3	-	-	-	-	-	0,1	0,2
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,1	-	-	-	-	-	-	0,1